

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 12/02/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	620	T.JUNG+AMD	7:25	15+0	0+0		15+4	0+0	
2	427	AMD-P7+TD3	7:25	0+0+17	0+0+0		16+3+3	0+0+0	AMD BO 3 CHO VE
3	420	PPD+TD5	7:25	7+15	0+0		7+15	0+0	
4	424	GTCl+TD3	7:25	5+17	0+0		5+17	0+0	
5	427	BK16+CTK3	9:25	5+17	0+0		5+17	0+0	
6	420	PPD+P3	9:25	15+1	0+0		14+8	0+0	
7	424	CTK3+PPD	9:25	19+0	0+0		16+6	0+0	

TTBBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
VALY 4 BÁNH XE KHÔNG NHẬN CHỖ BẢNG TRỰC THĂNG (4-КОЛЕСНЫЕ ЧЕМАДАННЫ НЕ ПЕРЕВОЗЯТСЯ
BEPTOJETAMH C 1-FO FEBPAJH 2018F.)



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/02/2018	TO: BK THIEN UNG - AMD	AIRCRAFT: 620	ETD: 07:28
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: HLONG - ĐTrung	ETA: 10:30
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN ĐỨC BÌNH	BK THIE					67	PVD	Vietnamese
2	NGUYEN NGOC HIEU	BK THIE	50	1	8		70	PVD	Vietnamese
3	BAGRAMOV	BK THIE	42-43	2	6		90	KH-THAC	Russian
4	VAN MINH TAN	BK THIE	46	1	9		60	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM QUANG QUY	BK THIE	48	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN TRUNG KIEN	BK THIE					70	KH-THAC	Vietnamese
7	LE TRAN SON	BK THIE	52	1	3	60	58	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN XUAN THUY	BK THIE	45	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	LE NGOC TOAN	BK THIE	49	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
10	VÔ CHIEN THANG	BK THIE	44	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN HOÀ	BK THIE	37	1	3		65	PSV	Vietnamese
12	HỒ VĂN TINH	BK THIE	41	1	4		53	PSV	Vietnamese
13	NGUYEN TIEN CHUONG	BK THIE	39	1	3		63	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN XUAN TRUONG	BK THIE	40	1	4		60	PSV	Vietnamese
15	LUONG CONG DAT	BK THIE	47	1	6		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK THIEN UNG	15	14	69	991	60	15		
2	AMD	0	0	0	0	50	4		
	TOTAL	15	14	69	991	110	19		
	WEIGHT KG			69	991	110			

GRAND TOAL: 1.170 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12-Feb-18	TO: AMD - P7 - TD3	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Khang - MMinh - Luy - DTùng	ETA: 09:10
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHUNG MINH HAI	AMD	26	1	8	30	70	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAM VU THANG	AMD	23-24	2	16		75	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐO ĐỨC THỊNH	AMD	93	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN NAM TRUNG	AMD	92	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
5	CAO THANH TUAN	AMD	90-91	2	20		61	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN HOANG	AMD	97	1	9		74	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐINH HỮU TINH	AMD	21	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN HỒNG LINH	AMD	96	1	2		82	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN NGỌC ĐỨC	AMD	22	1	8		87	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ XUÂN ĐỨC	AMD	94	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN THẾ HAO	AMD	99,300	2	12		71	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ ĐỨC TÂM	AMD	25	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM VĂN QUANG	AMD	95	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
14	NGÔ QUANG HUÂN	AMD	98	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	AMD	89	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	15	18	110	1.071	30	16		CHUYEN 1 PAX TU P7 SANG TD3
2	P7	0	0	0	0	20	3+1		
3	TD3	0	0	0	0	30	3		
TOTAL		15	18	110	1.071	80	22		
WEIGHT KG				110	1.071	80			

GRAND TOTAL: 1.261 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12-Feb-18	TO: PPD - TD5	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Nam - TUYỀN - Năm - Toan	ETA: 09:15
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ ĐỨC HOANG	PPD	67	1	5		65	PVGAS	Vietnamese
2	PYATOV	PPD	71	1	5	60	90	KH-THAC	Russian
3	NGUYEN TRUONG SON	PPD	69-70	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN SON	PPD	73	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN VAN DUONG	PPD	68	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN THANH BINH	PPD	74	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ MAU MEN	PPD	72	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	GONCHAROV S.A	TD5	22	1	5		100	KHOAN	Russian
9	PHẠM VĂN BÌNH	TD5	36	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN DUY TAM	TD5	32	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN TAN VINH	TD5	37-38	2	10		80	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN TAN PHUOC	TD5	34	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN XUAN THANH	TD5	28	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
14	MAI TRUONG TRUNG	TD5	29	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
15	LE ANH NGUYEN	TD5	31	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
16	TRAN VAN LEN	TD5	35	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN VAN HIEN	TD5	30	1	5	50	60	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN THANH TUNG	TD5	33	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
19	LE VAN LỘC	TD5	27	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
20	LUONG NGOC HOANG	TD5	25-26	2	17		70	DVL	Vietnamese
21	NGUYEN VAN HIEU	TD5	23	1	15		80	DVL	Vietnamese
22	NGUYEN CHI LINH	TD5	24	1	5		80	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	7	8	40	512	60	7		
2	TD5	15	17	104	1.060	50	15		
TOTAL		22	25	144	1.572	110	22		
WEIGHT KG				144	1.572	110			

GRAND TOTAL: 1.826 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/02/2018	TO: GTC1 - TD3	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: LHai - VTHU - TDUNG -	ETA: 09:20
TRANG-1		CƯỜNG	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN NAM THAI	GTC1	07,64	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN HUU TRUNG	GTC1	04	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG TRẦN KHANH	GTC1	65	1	5	55	69	KH-THAC	Vietnamese
4	NG. TRỌNG MẠNH	GTC1	05	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN QUYET	GTC1	06	1	3		65	PSV	Vietnamese
6	AFANASHEV I.IU	TD3	46	1	7		90	KHOAN	Russian
7	QUACH VAN THAO	TD3	61	1	3	10	74	YTE	Vietnamese
8	LE ANH XUAN	TD3					74	KHOAN	Vietnamese
9	PHAN HAI NAM	TD3					62	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN MINH HIEN	TD3	51	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
11	BUI HUU VUNG	TD3	47	1	10		84	KHOAN	Vietnamese
12	ĐOÀN QUANG BẠC	TD3	48	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
13	NGO VAN KIEM	TD3	52	1	3		66	KHOAN	Vietnamese
14	LUU VAN SON	TD3	49	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
15	CHU VAN THANG	TD3	50	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
16	ĐO THANH HAI	TD3	53	1	7		78	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM HAI ĐĂNG	TD3					80	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN ĐỨC THĂNG	TD3	55	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
19	CHU MINH HAN	TD3	58-60	3	18		100	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN TRƯỜNG SINH	TD3	54	1	9	35	70	DVL	Vietnamese
21	PHAM VAN SANG	TD3	56-57	2	10		67	DVL	Vietnamese
22	TRAN VAN THU	TD3	62	1	16		52	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	GTC1	5	6	33	344	55	5		
2	TD3	17	17	105	1.258	45	17		
TOTAL		22	23	138	1.602	100	22		
WEIGHT KG				138	1.602	100			

GRAND TOAL: 1.840 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/02/2018	TO: PPD - P3	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:45
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Nam - TUYEN - Nam - Toan	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐANG ĐÌNH TIẾN	PPD	098	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ NGỌC HAI	PPD	97	1	10		86	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TUẤN ANH	PPD	67	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN MINH HAI	PPD	64	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN THANH QUANG	PPD	98	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN VĂN MẠNH	PPD	99	1	5		49	KH-THAC	Vietnamese
7	TRƯƠNG TUẤN HÙNG	PPD	099	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ VĂN BA	PPD	96	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN QUANG CHUÔNG	PPD	70	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	DUƠNG TÙNG HUYNH	PPD	63	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN PHONG	PPD	67	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN QUỐC VIỆT	PPD	75	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN XUÂN HAI	PPD	71	1	5	50	80	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC CHÂN	PPD	69	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ THÀNH LONG	PPD	95	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
16	TELIAHS	PPD	65	1	5		80	DICHVU	Russian
17	PHẠM HỮU MINH	P3	30-31	2	12	60	60	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	16	16	85	1.119	50	14		
2	P3	1	2	12	60	60	8		
TOTAL		17	18	97	1.179	110	22		
WEIGHT KG				97	1.179	110			

GRAND TOAL: 1.386 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/02/2018	TO: CTK3 - PPD	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:50
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: LHai - VTHU - TDUNG - CUONG	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẠO VĂN MINH	CTK3	87	1	2		60	KH-THAC	Vietnamese
2	SKRIPLOV	CTK3	79	1	11		83	KH-THAC	Russian
3	ĐẶNG XUÂN SƠN	CTK3	81-82	2	17		73	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN ĐỨC BÀU	CTK3	80	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI THANH HOẠT	CTK3	89	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN MẠNH KHOÁT	CTK3					78	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THIỆN TOÀN	CTK3	88	1	5	13	69	KH-THAC	Vietnamese
8	NGO ĐÌNH THAM	CTK3	78	1	8		58	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ ĐỨC HIỆP	CTK3	83	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TRỌNG MẠN	CTK3	91	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG THIỆU THÀNH	CTK3	92	1	9		83	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TRỌNG KHÔI	CTK3	93	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN DUY TUAN	CTK3	91	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM VĂN ĐIỂM	CTK3	86	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM VĂN HÀ	CTK3	85	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
16	DƯƠNG VĂN BÌNH	CTK3	98	1	9		67	KH-THAC	Vietnamese
17	HỒ ANH QUỐC	CTK3	95	1	2		73	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TRỌNG HIỀN	CTK3	90	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN QUÝ TRUNG	CTK3	84	1	11		73	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	19	19	127	1.304	13	16		
2	PPD	0	0	0	0	40	6		
TOTAL		19	19	127	1.304	53	22		
WEIGHT KG				127	1.304	53			

GRAND TOAL: 1.484 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/02/2018	TO: BK16 - CTK3	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Khang - MMinh - Luy - DTùng	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN NGOC HA	BK16	98	1	10	55	84	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN LIEU	BK16	200	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN THANH TUAN	BK16	99	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐÀO ĐỨC THĂNG	BK16	96	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐỖ XUÂN HẠNH	BK16	97	1	2		79	PSV	Vietnamese
6	PHAM ĐAI PHONG	CTK3	500	1	10	16	67	YTE	Vietnamese
7	LE HUY TAM	CTK3	66	1	2	30	65	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI TIEN DUNG	CTK3	68	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM THANH HAI	CTK3	73	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN NGOC HIEU	CTK3	70	1	2		66	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN HOANG VIET	CTK3	62	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN QUANG TRUNG	CTK3	99	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
13	VU XUAN TRUC	CTK3	33	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI HUU HUAN	CTK3	71	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN DAN	CTK3	76,32	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN MANH ĐÀO	CTK3	74	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAM TIEN PHUONG	CTK3	72	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN HOANG HA	CTK3	63	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN DINH QUYET	CTK3	64-65	2	5		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VAN THANG	CTK3	75	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN THANH HAI	CTK3	67	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN THANH TUNG	CTK3	69	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	5	5	26	377	55	5		
2	CTK3	17	19	91	1.159	46	17		
TOTAL		22	24	117	1.536	101	22		
WEIGHT KG				117	1.536	101			

GRAND TOAL: 1.754 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 13/02/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CTK3-P2-P4	7:25	22+0+0	0+0+0		20+0+2	0+0+0	
2		TD2+PPD+BK6	7:25	7+15+0	0+0+0		5+13+4	0+0+0	
3		TD3+BK4+TD1	7:25	10+5+7	0+0+0		5+5+12	0+0+0	CAP CUU TD3
4		P10+PVD2	7:25	3+19	0+0		2+20	0+0	
5		RC3-P10	9:25	22	0		22	0	CHỖ TP RC3
6		VSP02+P9	9:25	1+21	0+0		1+21	0+0	
7		TD5+P3+P4	9:25	1+0+13	0+0+0		0+0+19	0+0+0	CHUYEN 2 PAX P3-P4
8		RP3+RC5+RC4	11:25	11+0+0	0+0+0		15+4+1	0+0+0	
9		P9+BK3+PVD2	11:25	5+8+8	0+0+0		2+4+16	0+0+0	
10		P11+PPD+BK10	11:25	10+7+5	0+0+0		10+2+7	0+0+0	
TTBDSX			610	AMD-H4-H5		BO SUNG (S2 05/HS)			

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

ВАЛЫ 4 БАНН XE KHÔNG NHẬN CHỖ BẢNG TRỮC THƯỜNG (4-КОЛЕСНЫЕ ЧЕМАЯНЫ НЕ ПЕРЕВОЗЯТСЯ
ВЕРТОЛЕТАМИ С 1-ГО ФЕВРАЛЯ 2018Г.)



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/02/2018	TO: CTK3 - P2 - P4	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: LBinh - MTHAO - Nnam	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN XUAN PHUC	CTK3				10	60	SBAY	Vietnamese
2	HOANG ĐỨC LINH	P2	96	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐÀO VĂN ĐỨC	P2	94	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ ANH NGỌC	P2	37-38	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HỮU PHI	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM TRẦN TUẤN AN	P2	95	1	5	100	75	KH-THAC	Vietnamese
7	DUƠNG VĂN THUẬN	P2	36	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ HỒNG PHƯƠNG	P2	29	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN DUY NGỌC	P2	28	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN SÁCH ĐƠN	P2	29	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH PHONG	P2	27	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ THANH HAI	P2	97	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN HIỆU	P2	30	1	10		82	KH-THAC	Vietnamese
14	HA VĂN TRUNG	P2	33	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐÌNH NAM	P2	40	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGŨ HOANG NAM	P2	700	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẶNG TRỌNG THẢO	P2	34-35	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC LƯỢNG	P2	31-32	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN ĐỘ	P2	39	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN XUAN THUY	P2	98-99	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM LÊ DUƠNG	P2	28	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM THANH KIM	P2	100	1	5		52	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	1	0	0	60	10	1		ĐF về ngon ghé phụ
2	P2	21	24	141	1.468	100	18		
3	P4	0	0	0	0	15	4		
TOTAL		22	24	141	1.528	125	23		
WEIGHT KG				141	1.528	125			

GRAND TOAL: 1.794 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13-Feb-18	TO: TD2 - PPD - BK6	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Khang - TTrung - HIẾU	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ZHIGALO V.A	TD2	81	1	10	40	104	KHOAN	Russian
2	NGUYEN DINH HAI	TD2	84	1	7		61	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN ĐỨC TUNG	TD2	85	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN THANH CONG	TD2	82	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN DINH THANG	TD2	83	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
6	VU HOANG TAN	TD2	79-80	2	19	31	91	DVL	Vietnamese
7	HOANG VAN PHUONG	TD2	86	1	5		60	PSV	Vietnamese
8	BUI MINH TRI	PPD	82-83	2	13		82	THONG TIN	Vietnamese
9	APHANASIEV	PPD	94-95	2	10		99	KH-THAC	Russian
10	PHAM QUOC HIEN	PPD					70	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM TAI	PPD	96	1	8		72	KHI	Vietnamese
12	FPOLOV D.V	PPD	81	1	6		80	KHI	Russian
13	ĐO CHUNG KIEN	PPD	92	1	4		61	KHI	Vietnamese
14	HOANG MINH HIEU	PPD	93	1	4		65	KHI	Vietnamese
15	VU THANH BINH	PPD	84	1	4		79	KHI	Vietnamese
16	PHAM HAI QUANG	PPD	88	1	5		70	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN VAN TA	PPD	90-91	2	10		73	KHI	Vietnamese
18	TRAN VAN THANH	PPD	97	1	5		57	KHI	Vietnamese
19	NGUYEN THANH TRUNG	PPD	85	1	5		75	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN MINH CHANH	PPD	86	1	7		81	KHI	Vietnamese
21	ĐO VAN THANH	PPD	89	1	5		84	KHI	Vietnamese
22	BUI THANH	PPD	87	1	5		64	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	7	8	54	500	71	5		PPD hạ cánh P2
2	PPD	15	17	91	1.112	0	13		
3	BK6	0	0	0	0	80	4		
TOTAL		22	25	145	1.612	151	22		
WEIGHT KG				145	1.612	151			

GRAND TOAL: 1.908 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/02/2018	TO: TD3 - BK4 - TD1	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Hôi - MTuấn - PTUẤN	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	YUKHIMCHUCK	TD3	65	1	10		78	KH-THAC	Russian
2	NGUYỄN GIA CUONG	TD3	68-69	2	10	50	66	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN LÊ ĐĂNG QUANG	TD3	66-67	2	14	45	78	KH-THAC	Vietnamese
4	VUONG VAN LONG	TD3				65	75	VSP	Vietnamese
5	TRAN NGOC BA	TD3					73	VSP	Vietnamese
6	NGUYEN TIEN DUNG	BK4	53	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGO ĐANG ĐỨC	BK4					68	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ BA TUẤN	BK4	51	1	4	80	63	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN TIEN	BK4	52	1	8	11	77	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM XUÂN MẠNH	BK4					67	PSV	Vietnamese
11	SAFONOV BORIS	TD1	45	1	10		82	KHOAN	Russian
12	TRẦN XUÂN TRƯỜNG	TD1	46	1	6		73	CODIEN	Vietnamese
13	PHẠM TIẾN CƯỜNG	TD1	47	1	10		69	CODIEN	Vietnamese
14	NGUYỄN HẢI LÂM	TD1	43-44	2	15	21	66	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM VĂN TRÍ	TD1	41	1	10		74	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ NGỌC LUÂN	TD1	40	1	10		67	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN VĂN MẠNH	TD1	42	1	10		59	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	5	5	34	370	160	0		Thao 4 ghe cho cang
2	BK4	5	3	17	350	91	5		
3	TD1	7	8	71	490	21	12		
TOTAL		17	16	122	1.210	272	17		
WEIGHT KG				122	1.210	272			

GRAND TOAL: 1.604 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Ký lại tại



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/02/2018	TO: P10 - PVD2	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:50
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: LHai - VTHU - TDUNG - CUONG	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HO THIEN TAM	P10	22	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN VAN THANG	P10	20	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
3	LE HOAI THANH	P10	21	1	7		65	YTE	Vietnamese
4	SUSTAVOV	PVD2	85	1	10		100	DIEUHANH	Russian
5	HO XUAN TUYEN	PVD2	94	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
6	BUI TRONG TOAN	PVD2	87-88	2	12		80	KHOAN	Vietnamese
7	KHUC THAI HOA	PVD2	91	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN KHAC TRIEU	PVD2	45,100	2	15		62	KHOAN	Vietnamese
9	RICKY L. DIPPOLD	PVD2	89-90	2	17		85	KHOAN	American
10	DAVID WAYNE CLENDENING	PVD2	92-93	2	15		110	KHOAN	American
11	CU DINH TUNG	PVD2	43	1	6		72	KHOAN	Vietnamese
12	DINH VAN CHAO	PVD2	96	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
13	TRINH BA BINH	PVD2	40	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
14	VO VAN HOAT	PVD2	99	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
15	BUI VAN CHINH	PVD2	97	1	5	30	72	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN VAN TIEN	PVD2	42	1	5	100	70	KHOAN	Vietnamese
17	DAM NGOC TUAN ANH	PVD2	87	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
18	HUYNH THANH TAM	PVD2					75	KHOAN	Vietnamese
19	LE THANH TUNG	PVD2	95	1	8		82	KHOAN	Vietnamese
20	TRAN TRONG THUAN	PVD2	44	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
21	PHAM HOANG DAT	PVD2	98	1	8		80	KHOAN	Vietnamese
22	VU VAN THUONG	PVD2	41	1	6		65	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	3	3	19	202	0	2		
2	PVD2	19	22	150	1,430	130	20		
TOTAL		22	25	169	1.632	130	22		
WEIGHT KG				169	1.632	130			

GRAND TOAL: 1.931 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/02/2018	TO: RC3 - P10	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:45
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Khang - TTrung - HIẾU	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN NGUYỄN PHONG	P10	77	1	5	50	74	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐỨC PHÚC	P10	74	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
3	IVANOV	P10	71	1	4		120	KH-THAC	Russian
4	NGUYỄN BAO LÂM	P10	83	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
5	NGÔ THANH HÀ	P10	84	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TẤT THÀNH	P10	80	1	3		56	KH-THAC	Vietnamese
7	LE NGỌC NGUYỄN	P10					79	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN HỮU DƯƠNG	P10	88	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN VĂN NAM	P10	87	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN MẠNH HÙNG	P10	75	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐỖ TRƯỜNG THỊNH	P10	73	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ ĐÌNH CƯỜNG	P10	95	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẦN HỒNG LINH	P10	89	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN TOÀN	P10	78	1	4		57	KH-THAC	Vietnamese
15	LE CHI HIẾU	P10					80	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	P10	72	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN HỮU DŨNG	P10	76	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC TOÀN	P10	79	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM HIẾU LIÊM	P10	81-82	2	6		70	KH-THAC	Vietnamese
20	TRƯỜNG VĂN MINH	P10	86	1	2		75	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM VĂN THUYẾT	P10	70	1	3	12	75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	0	0	0	0	95	0		
2	P10	21	20	82	1.492	62	22		
TOTAL		21	20	82	1.492	157	22		
WEIGHT KG				82	1.492	157			

GRAND TOAL: 1.731 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/02/2018	TO: VSP02 - P9	AIRCRAFT: 424	ETD: 10:00
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: LHai - VTHU - TDUNG - CUONG	ETA: 11:40
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE THANH HOAN	VSP02	42	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
2	VASYANKIN	P9	55	1	5	17	120	KH-THAC	Russian
3	LE CHUNG	P9	87	1	3		58	YTE	Vietnamese
4	CHERNAVSKII	P9	51	1	5		112	KH-THAC	Russian
5	ZAHARIN S.V.	P9	48	1	6		103	KH-THAC	Russian
6	NGUYEN XUAN HOANG	P9	89	1	6	30	67	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN BA KY	P9					85	KH-THAC	Vietnamese
8	LE MINH THUY	P9	49	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
9	VU VAN THOAI	P9	53	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
10	NGO AN CHUNG	P9	88	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
11	DAO THIEN THUAT	P9	57	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN XUAN THUA	P9					76	KH-THAC	Vietnamese
13	LE MINH THUY	P9	65	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VIET THANG	P9					70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VIET CUONG	P9	54	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN TIEN HIEP	P9	90	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
17	LE NGOC THANH	P9	500	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN VAN HAI	P9	50	1	2		68	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN QUOC DUNG	P9	91	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN DUC BINH	P9	92	1	2		79	KH-THAC	Vietnamese
21	HO SY BINH	P9	47	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
22	TRAN VAN DUNG	P9	45-46	2	9		52	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	1	1	3	60	0	0		
2	P9	21	19	86	1.571	47	22		
TOTAL		22	20	89	1.631	47	22		
WEIGHT KG				89	1.631	47			

GRAND TOAL: 1.767 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/02/2018	TO: TD5 - P3 - P4	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: Hòì - MTuấn - PTUẤN	ETA: 11:30
HONG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN AN NINH	TD5	06	1	15	42	77	KH-THAC	Vietnamese
2	VU DUC SANG	TD5	07	1	12	15	69	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM HONG PHONG	TD5	01	1	12		62	KH-THAC	Vietnamese
4	THAI QUOC CUONG	TD5	02	1	10		50	KH-THAC	Vietnamese
5	DZUCK YURY	TD5	05	1	15		110	KH-THAC	Russian
6	NGUYEN MINH SANG	TD5	03	1	13		82	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG TUAN HAI	TD5	04	1	9		68	KH-THAC	Vietnamese
8	KOLECHIK A.IO	P4	42	1	12		101	KHI	Russian
9	TRƯỜNG THANH GIAP	P4	44	1	6		75	KHI	Vietnamese
10	PHẠM TRẠI	P4	49	1	4		69	KHI	Vietnamese
11	TẠ XUÂN HIẾU	P4	50	1	5		66	KHI	Vietnamese
12	PHẠM MỘNG THANH	P4	54	1	8		68	KHI	Vietnamese
13	PHẠM ĐỨC HIỆP	P4	43	1	4		78	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN VIET NGOC	P4	47	1	6	70	66	KHI	Vietnamese
15	VU DINH CUONG	P4	48	1	4		75	KHI	Vietnamese
16	NGUYEN MINH CANG	P4	51	1	4		72	KHI	Vietnamese
17	LÊ TRUNG LAM	P4	53	1	3		69	KHI	Vietnamese
18	PHAN DINH NHAM	P4	45	1	3		59	KHI	Vietnamese
19	NGUYEN HOANG TRUONG	P4	46	1	3		78	KHI	Vietnamese
20	NGUYEN VAN NAM	P4	52	1	3		61	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	7	7	86	518	57	7		CHUYEN 2 PAX P3 SANG P4
2	P3	0	0	0	0	0	0	2	
3	P4	13	13	65	937	70	15		
TOTAL		20	20	151	1.455	127	22		
WEIGHT KG				151	1.455	127			

GRAND TOAL: 1.733 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/02/2018	TO: RP3 - RC5 - RC4	AIRCRAFT: 427	ETD: 14:30
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: LBinh - MMinh - NNam	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GALLIAMOV.I.M.	RP3	11-12	2	6		70	KH-THAC	Russian
2	TRẦN VĂN SEN	RP3	08	1	5		75	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN XUÂN SANG	RP3	04-05	2	12		70	KHI	Vietnamese
4	BUI VĂN HUNG	RP3	15	1	7		70	KHI	Vietnamese
5	TRẦN HUNG VƯƠNG	RP3	06	1	7	15	75	KHI	Vietnamese
6	HO VĂN LUÔNG	RP3	09	1	4		65	KHI	Vietnamese
7	HOANG CONG QUAN	RP3	10	1	4		85	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH TUNG	RP3	02-03	2	6		63	KHI	Vietnamese
9	PHẠM BÌNH NAM	RP3	07	1	5		62	KHI	Vietnamese
10	PHẠM HỒNG LINH	RP3	01	1	5		70	KHI	Vietnamese
11	FIRSOV	RP3	13-14	2	12		80	AN TOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	11	15	73	785	15	15		
2	RC5	0	0	0	0	40	4		
3	RC4	0	0	0	0	35	1		
TOTAL		11	15	73	785	90	20		
WEIGHT KG				73	785	90			

GRAND TOAL: 948 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/02/2018	TO: P9 - BK3 - PVD2	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:55
FLIGHT: M	FROM: VT	CREW: HUNG - Khang - HIÊU	ETA: 13:35
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN HÀ	P9	67	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM NGỌC QUY	P9	70	1	3		76	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN VĂN BANG	P9	68	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN VĂN TRI	P9	66	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM ĐỨC TÀI	P9	69	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐỖ VĂN QUANG	BK3	84-85	2	15	100	75	KHOAN	Vietnamese
7	THAI HAI HA	BK3	83	1	6		57	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN PHƯỚC	BK3	74-75	2	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐỨC THIỆP	BK3	78	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
10	VU VĂN NAM	BK3	80	1	11		68	DVL	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN NGỌC	BK3	81	1	9		63	DVL	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN THANH	BK3	82	1	10		80	DVL	Vietnamese
13	PHẠM BA BÌNH	BK3	76-77	2	10		68	PSV	Vietnamese
14	HO HUU LINH	BK3	79	1	7		84	KH-THAC	Vietnamese
15	LE VIET THUC	PVD2	11	1	5	40	81	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN VU HAI	PVD2	10	1	8		62	KHOAN	Vietnamese
17	PHAN VĂN TUOC	PVD2	04	1	9		56	KHOAN	Vietnamese
18	TU DUONG VAN	PVD2	03	1	4		85	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN HAI HOAN	PVD2	07-08	2	8		65	KHOAN	Vietnamese
20	TON VU NHAT	PVD2	09	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
21	TRẦN XUÂN THUY	PVD2	02	1	9		63	KHOAN	Vietnamese
22	ĐẶNG VĂN HẬU	PVD2	05-06	2	14		85	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	5	5	20	327	0	1		
2	BK3	9	12	79	632	100	4		
3	PVD2	8	10	63	572	40	16		
TOTAL		22	27	162	1.531	140	21		
WEIGHT KG				162	1.531	140			

GRAND TOAL: 1.833 KGS

VSP REP.

[Signature]

VNH REP.

[Signature]

CAPTAIN

[Signature]



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13-Feb-18	TO: P11 - PPD - BK10	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:00
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: HỒI - TUYỀN - PTUÁN	ETA: 13:40
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HỮU LƯU	P11	90	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ VIỆT DŨNG	P11	86	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	HUYNH THANH TAM	P11	87	1	7	25	85	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN HAI VIỆT	P11	84	1	4	15	82	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG SY NGOC	P11	78	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TIẾN THỨC	P11	79-80	2	8		86	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN NAM	P11	77	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN CAO CHÍ	P11	81	1	4		57	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN CUÔNG	P11	82-83	2	6		80	KH-THAC	Vietnamese
10	NGÔ VĂN THANH	P11	85	1	10		71	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN HUY SƠN	PPD					75	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN CÔNG HIẾN	PPD	01	1	5		64	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐỨC HOÀ	PPD	02	1	3	15	74	KHI	Vietnamese
14	LƯƠNG NGỌC THANH	PPD	03	1	7		95	KHI	Vietnamese
15	LÊ QUANG NINH	PPD					65	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN CÔNG TÂN	BK10	04	1	3		85	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ TRỌNG LINH	BK10	03	1	6		79	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN CÔNG THANH	BK10	01-02	2	9	90	76	KH-THAC	Vietnamese
19	NGÔ TUẤN HÙNG	BK10	05-06	2	9		58	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH SƠN	BK10	07-08	2	12		77	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	10	12	64	731	40	10		
2	PPD	5	3	15	373	15	4		
3	BK10	5	8	39	375	90	7		
TOTAL		20	23	118	1.479	145	21		
WEIGHT KG				118	1.479	145			

GRAND TOAL: 1.742 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 13-Feb-18	FROM: VT	AIRCRAFT: 610	ETD: 11:00
FLIGHT:	TO: AMD - TGTH4 - TGTH5	CREW: Dũng - TÙNG	ETA: 12:45

ROUTE: VT - AMD - TGTH4 - TGTH5 - VT

No.	PAX.NAME	COMPANY	NATIONALITY	PASSPORT	TAG	BAG		BODY
						PCS	KGS	W.T
SECTOR 1: VT - AMD								
1	CHUYEN 4 PAX TU AMD SANG TGTH4 ; 5 PAX TU AMD SANG TGTH5					0	0	
	PAX OUT	0		PAX IN	0	WT:	0	0
SECTOR 2: VT - TGTH4								
2	NIL					0	0	
	PAX OUT	0		PAX IN	0	WT:	0	0
SECTOR 3: VT - TGTH5								
3	NIL					0	0	
	PAX OUT	0		PAX IN	0	WT:	0	0
	TOTAL	0						

FREIGHT

No.	FREIGHT DESCRIPTION	TAG	DEST.	QTY	WEIGHT (KGS)
1					

REMARK :

PAX.WEIGHT	0
BAG.WEIGHT	0
CARGO WEIGHT	0
TOTAL	0

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FINISHED: 00:00

FUEL

CONFIRMED BY HLO (Name & signature)

- TOTAL OF PAX:
- FREIGHT \$ BAG:

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 14/02/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+MRM+TD1	7:25	0+18+0	0+0+0		0+14+7	0+0+0	CHUYỂN 1 PAX TỪ TD1-MRM
2		JS2+MRM+RP2	9:25	14+6+0	0+0+0		1+17+1	0+0+0	

TTBDSX
We



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14-Feb-18	TO: TD1 - MRM - TD1.	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - MMinh - THỤ	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM MINH TAN	MRM	97	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
2	LE XUAN HIEP	MRM	45-46	2	10		65	KHOAN	Vietnamese
3	SEREBROV	MRM	91	1	10		82	KHOAN	Russian
4	VANEEV DIMITRII	MRM	42	1	9		100	KHOAN	Russian
5	ZHESTKOV ALEXEY	MRM	49-50	2	16		100	KHOAN	Russian
6	BLOKHINOV ALEXEY	MRM	48	1	8		103	KHOAN	Russian
7	MIKOLAYCHUK VLADIMIR	MRM	41	1	11	120	98	KHOAN	Russian
8	TSVETKOV OLEG	MRM	44	1	8		103	KHOAN	Russian
9	SOKOLOV KONSTANTIN	MRM	92	1	8		94	KHOAN	Russian
10	FEYST ALEXANDER	MRM					71	KHOAN	Russian
11	GOIAEV ALEKSEI	MRM	90	1	10		90	KHOAN	Russian
12	STEPANOV OLEG	MRM	43	1	5		100	KHOAN	Russian
13	BORISOV YURY	MRM	95-96	2	10		82	KHOAN	Russian
14	BYKOV ARTUR	MRM	47	1	5		110	KHOAN	Russian
15	ZYANGIROV FARIT	MRM	58	1	10		86	KHOAN	Russian
16	MAISHEV	MRM	40	1	7		100	KHOAN	Russian
17	TARANENKO ALEXEY	MRM	93	1	10		104	KHOAN	Russian
18	CHERNYSHEV VALERII	MRM	94	1	10		110	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	0	0	0	0	0	0	1	CHUYEN 01 PAX TU TD1-SANG MRM
2	MRM	18	20	154	1.663	120	14		
3	TD1.	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		18	20	154	1.663	120	21		
WEIGHT KG				154	1.663	120			

GRAND TOAL: 1.937 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/02/2018	TO: JS2 - MRM - RP2	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - MMinh - THỤ	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DEDDY SETIYATNO	JS2	09-10	2	14		86	KHOAN	Indonesian
2	ARTUR JONH	JS2	11	1	12		105	KHOAN	British
3	DO VINH TUY	JS2	16	1	7	150	74	KHOAN	Vietnamese
4	PHAM NGOC HUNG	JS2	17	1	9		75	KHOAN	Vietnamese
5	CURNHESOV SERGEY	JS2	27	1	10		111	KHOAN	Russian
6	NGUYEN NGOC LE	JS2	04	1	9		72	KHOAN	Vietnamese
7	VU DINH HUNG	JS2	15	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
8	HOANG VAN THE	JS2	07	1	9	30	70	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN VAN DUC	JS2	08	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN TIEN VINH	JS2	01	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN THOM	JS2	06	1	3		50	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN NGOC BAO TU	JS2	03	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
13	HOANG QUOC VIET	JS2	05	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
14	PHAM QUANG HUNG	JS2	02	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
15	BITSUTIN VLADISLAV	MRM	73-74	2	15		104	KHOAN	Russian
16	MAKSHANTSEV EVGENY	MRM	68	1	12		72	KHOAN	Russian
17	OGANIAN GRIGORII	MRM	69	1	8		90	KHOAN	Russian
18	CHERNYKH	MRM	67	1	10		94	KHOAN	Russian
19	LE MINH HOAN	MRM	70-71	2	10		70	KHOAN	Vietnamese
20	TRAN CHINH CUONG	MRM	72	1	7		67	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	14	15	105	1.063	180	1		
2	MRM	6	8	62	497	0	17		
3	RP2	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		20	23	167	1.560	180	19		
WEIGHT KG				167	1.560	180			

GRAND TOAL: 1.907 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 18/02/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CLO+P8	7:25	17+5	0+0		17+5	0+0	
2		TD1+TD3+CLO	7:25	15+7	0+0		13+9	0+0	
3		PVD2-P10+TD1	9:25	11+7	0+0		2+17	0+0	

TTBDSX



Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
VSP01 ĐỔI SANG NGÀY 19/2 ĐỔI CA VÌ TÀU BÁN ĐẦU



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/02/2018	TO: TD1 - TD3 - CLO	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - CHIÊN - Huy	ETA: 09:15
cam-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MIKHALICHENKO S.IA	TD1	35	1	6		100	KHOAN	Russian
2	TRƯỜNG HOANG KHANH	TD1	40	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
3	LE DUY TAN	TD1	30	1	10		67	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN THANH THUY	TD1	38	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN VAN LANG	TD1	39	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
6	BUI NGOC QUANG	TD1	43	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN DUNG	TD1	37	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
8	LE VAN NGUYEN	TD1	36	1	2		56	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN MINH SON	TD1	31	1	6		72	KHOAN	Vietnamese
10	VU MANH HAI	TD1	32	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
11	HOANG VIET LINH	TD1	42	1	3		95	KHOAN	Vietnamese
12	TO DINH TUYNH	TD1	44	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
13	VU VAN QUY	TD1	34	1	5		57	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN MANH LINH	TD1	33	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
15	TRINH HUY TOAN	TD1	41	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
16	HOANG TRUNG THONG	CLO	59	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
17	TRAN THE NHU	CLO	58	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN VAN HOI	CLO	61	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
19	PHAM DUC MINH	CLO	62	1	2		57	KHOAN	Vietnamese
20	NGHIEM XUAN QUANG	CLO	57	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN HOANG TRUONG	CLO	60	1	3		74	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN HUU TUYEN	CLO	56	1	10		60	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	15	15	82	1.101	0	12		
2	TD3	0	0	0	0	0	1		
3	CLO	7	7	30	456	0	9		
TOTAL		22	22	112	1.557	0	22		
WEIGHT KG				112	1.557	0			

GRAND TOAL: 1.669 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18-Feb-18	TO: CLO - P8	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Phong - MTHAO - Trường	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI ĐỨC LUẬN	CLO	95	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
2	SUKHOMLIN LN	CLO	98	1	7		120	KHOAN	Russian
3	TU QUỐC VIỆT	CLO	21	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
4	HOANG VAN TRUNG	CLO	94	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN DUY NAM	CLO	99	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN VAN VINH	CLO	25	1	3		74	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN NGOC LY	CLO	27	1	6		77	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM VĂN ĐƯỢC	CLO	97	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
9	ĐẶNG VĂN ĐO	CLO	93	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN QUANG HUY	CLO	23	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
11	ĐO THANH LIÊM	CLO	24	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
12	CAO VĂN VIỆT	CLO	700	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ MINH HOANG	CLO	22	1	6		72	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN MẠNH CƯỜNG	CLO	26	1	8		53	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN VĂN KHANG	CLO	96	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN NGỌC AN	CLO					75	KHOAN	Vietnamese
17	VŨ VĂN QUYNH	CLO	20	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN TRỌNG HIỆU	P8	04	1	5		60	PSV	Vietnamese
19	HA VAN THIEN	P8	03	1	7		72	PSV	Vietnamese
20	LÊ VIỆT KHANG	P8	01	1	2		65	PSV	Vietnamese
21	VŨ NGỌC NAM	P8	05	1	4		78	PSV	Vietnamese
22	TRẦN MẠNH CƯỜNG	P8	02	1	4		52	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	17	16	79	1.251	0	17		
2	P8	5	5	22	327	0	5		
TOTAL		22	21	101	1.578	0	22		
WEIGHT KG				101	1.578	0			

GRAND TOTAL: 1.679 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/02/2018	TO: PVD2 - P10 - TD1	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:30
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Phong - MTHAO - Trường	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUONG MANH HAI	PVD2	40	1	15		75	DVL	Vietnamese
2	PHAM QUANG TRUNG	PVD2	39	1	17		89	DVL	Vietnamese
3	TRAN VAN MANH	PVD2					70	DVL	Vietnamese
4	DO VAN THAI	PVD2	37	1	15		70	DVL	Vietnamese
5	NGUYEN SY TUAN	PVD2	42	1	10		68	DVL	Vietnamese
6	LY NHAT TRUONG	PVD2	41	1	15		75	DVL	Vietnamese
7	NGUYEN TUAN DUONG	PVD2	43	1	10		85	DVL	Vietnamese
8	HUYNH VU TINH	PVD2					70	DVL	Vietnamese
9	TRAN CONG CHIEN	PVD2					77	DVL	Vietnamese
10	MAI THANH NAM	PVD2	38	1	5		62	DVL	Vietnamese
11	BUI VAN TRIEN	PVD2	44	1	12		80	DVL	Vietnamese
12	HOANG NGOC SON	TD1	48	1	2		57	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN VAN GIANG	TD1	49	1	5	15	67	KHOAN	Vietnamese
14	LE DINH DOAN	TD1	51	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
15	TRAN VAN PHONG	TD1	46	1	4		66	KHOAN	Vietnamese
16	LUU THIEN DUC	TD1	47	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
17	THAI DUC TOAN	TD1	45	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
18	DO TIEN DUNG	TD1	52	1	5		50	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	11	8	99	821	0	2		
2	P10	0	0	0	0	0	1		
3	TD1	7	7	29	430	15	16		
TOTAL		18	15	128	1.251	15	19		
WEIGHT KG				128	1.251	15			

GRAND TOTAL: 1.394 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 19/02/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi				Về				Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng			
1	420	VSP01+TD2	7:25	7+15	0+0		7+15	0+0			
2	410	RP2-PVD2+TD2	7:25	6+2+14	0+0+0		0+7+15	0+0+0	CHUYEN KHACH		
3	420	JS2+TD3+RP2	9:25	4+18	0+0		0+17	0+0			

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19-Feb-18	TO: RP2 - PVD2 - TD2	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Phong - TRƯỜNG - Vũ	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SADOVNIKOV A.D	RP2	71-72	2	10		125	KHOAN	Russian
2	NGUYEN TRONG BINH	RP2	69-70	2	12		66	YTE	Vietnamese
3	TRAN MINH HIEU	RP2	73	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
4	VU VAN DOANH	RP2	74	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
5	DO VAN PHAN	RP2	75	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
6	VO VAN HUNG	RP2	76	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN HUY THAI	RP2	77	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
8	LE TUAN NGHIA	TD2	33	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
9	HA VAN LINH	TD2	34	1	7		90	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN QUANG TIEN	TD2	28	1	10		74	KHOAN	Vietnamese
11	VU THAP TOAN	TD2					65	KHOAN	Vietnamese
12	LE VAN NAM	TD2					80	KHOAN	Vietnamese
13	MAI DUC THAN	TD2					68	KHOAN	Vietnamese
14	ĐINH VAN TAI	TD2	35	1	4		54	KHOAN	Vietnamese
15	LE NGUYEN	TD2	25	1	3		74	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN VAN DUAN	TD2	24	1	3		61	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN CHI ĐỨC	TD2	26	1	4		56	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN QUANG ANH	TD2	27	1	6		69	ANTOAN	Vietnamese
19	DUONG TRUNG KIEN	TD2	30	1	7		60	DVL	Vietnamese
20	NGUYEN QUANG HOAN	TD2	29	1	7		76	DVL	Vietnamese
21	ĐO HOAI THANH	TD2	31	1	5	15	74	DVL	Vietnamese
22	PHAN VAN HAU	TD2	23	1	4		70	GET	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	7	9	45	536	0	6	1	
2	PVD2	0	0	0	0	0	0		CJHUYEN 1 PAX RP2 SANG PVD2
3	TD2	15	12	64	1.039	15	15		
TOTAL		22	21	109	1.575	15	21		
WEIGHT KG				109	1.575	15			

GRAND TOAL: 1.699 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/02/2018	TO: VSP01 - TD2	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Hòì - MTuấn - NNam	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐÀO NGỌC TUYẾN	VSP01	87-88	2	17		65	ANTOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN TƯ HIỀN	VSP01	89	1	9		54	PSV	Vietnamese
3	VŨ VĂN ĐIỆP	VSP01	94	1	5		67	PSV	Vietnamese
4	PHẠM HUY ĐÀU	VSP01	91	1	3		87	PSV	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐỨC THƯƠNG	VSP01	90	1	4		70	PSV	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH TÊ	VSP01	95-96	2	11		71	PSV	Vietnamese
7	ĐÌNH ĐOÀN TÙNG	VSP01	97	1	5		62	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN HAI	TD2	19	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
9	DOROSHENKO M.K	TD2	18	1	8		97	KHOAN	Russian
10	GARMADAN I.A.D	TD2	26	1	3		83	KHOAN	Russian
11	LÊ QUỐC TOÀN	TD2	20	1	3		58	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ VĂN HIỀN	TD2	21	1	12		80	KHOAN	Vietnamese
13	BUI TRUNG THỌ	TD2					75	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ ANH QUÂN	TD2	25	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH BÌNH	TD2					74	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH TÙNG	TD2	23	1	5		54	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM ĐÌNH THUYẾT	TD2	22	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
18	PHẠM VĂN THĂNG	TD2					80	KHOAN	Vietnamese
19	QUÁCH VĂN CỬ	TD2	15	1	7		68	KHOAN	Vietnamese
20	VŨ MINH HAI	TD2	24	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
21	LÊ MINH ĐỨC*TT	TD2	27	1	4		90	KHOAN	Vietnamese
22	HOANG VAN KHAI	TD2	28	1	10		62	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	7	9	54	476	0	7		
2	TD2	15	12	70	1.131	0	15		
TOTAL		22	21	124	1.607	0	22		
WEIGHT KG				124	1.607	0			

GRAND TOAL: 1.731 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19-Feb-18	TO: JS2 - TD3 - RP2	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:30
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Hôi - MTuấn - NNam	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TU ĐỘ	JS2	34	1	12		66	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN CÔNG TÂM	JS2	33	1	11		68	KHOAN	Vietnamese
3	ĐẠO ANH HUYNH	JS2	31	1	10		71	DVL	Vietnamese
4	LE PHU PHUC	JS2	32	1	7		85	DVL	Vietnamese
5	LE VAN BAO	JS2	28	1	10		60	DVL	Vietnamese
6	TRƯƠNG QUỐC THẮNG	JS2	29-30	2	20		83	DVL	Vietnamese
7	NGO XUAN DUONG	JS2	35-36	2	20	5	74	KHOAN	Vietnamese
8	ĐẠO DUC DONG	TD3	25	1	14		79	XAY LAP	Vietnamese
9	NGO DUY TIEP	TD3	24	1	15		67	XAY LAP	Vietnamese
10	PHAM VAN LAM	RP2	96	1	6		64	KHOAN	Vietnamese
11	NHAM DUC QUANG	RP2	94	1	4		71	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN QUOC TUAN	RP2					66	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN VAN CHAN	RP2	99	1	4		56	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN HUYNH	RP2	95	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN VAN NGAN	RP2	97	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
16	PHAM QUANG ANH	RP2					80	KHOAN	Vietnamese
17	NGO HONG GIANG	RP2	98	1	7		66	KHOAN	Vietnamese
18	LE HUU HAU	RP2	400	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
19	TRAN ANH TUAN	RP2	86-87	2	17		75	KHOAN	Vietnamese
20	DOAN PHUC HOANG	RP2	90	1	12		76	KHOAN	Vietnamese
21	PHAM HONG QUY	RP2	89	1	12		71	KHOAN	Vietnamese
22	HOANG MINH DUNG	RP2	88	1	10		81	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	7	9	90	507	5	0		
2	TD3	2	2	29	146	0	0		
3	RP2	13	12	88	906	0	18		
TOTAL		22	23	207	1.559	5	18		
WEIGHT KG				207	1.559	5			

GRAND TOAL: 1.771 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 20/02/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3	7:25	22	0		22	0	
2		TD5	7:25	22	0		22	0	
3		TD5	9:25	22	0		19	0	
4		TD3-PVD2	9:25	5+14	0+0		2+20	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/02/2018	TO: TD3	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: MI	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - CHIẾN - PTUẤN	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG VĂN HÂN	TD3	77	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN THẮNG	TD3					86	KHOAN	Vietnamese
3	LƯU QUYẾT THẮNG	TD3					67	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN TRUNG	TD3	73	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM VĂN HIỆU	TD3	68	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN TUẤN ANH	TD3	71	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ VĂN KHOA	TD3	74	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
8	VÕ VĂN DŨNG	TD3	69	1	4		77	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN LÊ KIẾN	TD3	44	1	4		73	KHOAN	Vietnamese
10	ĐỖ DUY CHÍNH	TD3					63	KHOAN	Vietnamese
11	KHUẤT QUANG KIẾN	TD3	72	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
12	HA VĂN PHÚC	TD3					76	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN HƯNG	TD3	75	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN CÔNG HOÀN	TD3	78	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
15	PHUNG VĂN XUYEN	TD3	76	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
16	ĐẶNG HUY LONG	TD3	70	1	6		63	KHOAN	Vietnamese
17	ĐẶNG ĐÌNH ĐÌNH	TD3					60	KHOAN	Vietnamese
18	NGÔ QUANG PHÚC	TD3	43	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
19	LÊ TU HỘP	TD3	33	1	3		66	KHOAN	Vietnamese
20	LÊ NGỌC BÌNH	TD3	32	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
21	KHÔNG QUỐC HƯNG	TD3	67	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
22	VU TIẾN LỤC	TD3					65	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	22	16	76	1.559	0	22		
TOTAL		22	16	76	1.559	0	22		
WEIGHT KG				76	1.559	0			

GRAND TOAL: 1.635 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20-Feb-18	TO: TD5	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Hoi - TUYEN - THU	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN NHU Y	TD5					79	KHOAN	Vietnamese
2	LAI ĐỨC HAO	TD5	13	1	9		78	YTE	Vietnamese
3	HỒ HOÀN KIEM	TD5	24	1	3		74	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN TAN TAI	TD5	14	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
5	BAO NGUYEN LỘC	TD5	17	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN QUYẾT TIEN	TD5	21	1	5		87	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN BA HOA	TD5	16	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN DUY KHANH	TD5					80	KHOAN	Vietnamese
9	TRINH ANH TRUONG	TD5	23	1	4		61	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG NHẬT QUANG	TD5	22	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ VŨ NGỌC	TD5	20	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN MẠNH THU	TD5	18	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
13	PHAN HOANG LAM	TD5	28	1	7	60	70	KHOAN	Vietnamese
14	BUI ĐÌNH PHÚC	TD5	30	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
15	LŨU THẾ ĐIỆN	TD5	25	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN ANH TUE	TD5	35	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
17	ĐẶNG MINH KHAI	TD5	19	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN VAN NGA	TD5	29	1	2		58	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN VAN TUAN	TD5	27	1	4		56	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN SY LÊ	TD5	26	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN TAT THANH	TD5	15	1	3		54	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN XUAN ĐÔNG	TD5	31	1	7		60	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	22	20	98	1.488	60	22		
	TOTAL	22	20	98	1.488	60	22		
	WEIGHT KG			98	1.488	60			

GRAND TOAL: 1.646 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20-Feb-18	TO: MRM	AIRCRAFT: 846	ETD: 13:00
FLIGHT: XANH	FROM: VT	CREW: Hòì - TUYỀN - THỤ	ETA: 14:30

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	Kotikov Alexey	MRM	28-29	2	12		97	KHOAN	Russian
2	Chebykin Konstantin	MRM	42-43	2	10		82	KHOAN	Russian
3	Gareev Timur	MRM	36	1	17		107	KHOAN	Russian
4	Molodykh Mikhail	MRM	45	1	10		77	KHOAN	Russian
5	Orudzhiev Shukurulla	MRM	30	1	5		87	KHOAN	Russian
6	Ratushnyi Vladimir	MRM	32	1	12		123	KHOAN	Russian
7	Zhuravlev Anatolii	MRM	37	1	10		81	KHOAN	Russian
8	Pismennyi Anton	MRM	35	1	8		90	KHOAN	Russian
9	Kumba Zhan Rober	MRM	46	1	7		73	KHOAN	Russian
10	Zinkovskii Andrei	MRM	31	1	10		70	KHOAN	Russian
11	Ratushnyi Evgenii	MRM	32	1	10		80	KHOAN	Russian
12	Varenov Grigorii	MRM	38-39	2	14		75	KHOAN	Russian
13	Babko Radames	MRM					107	KHOAN	Russian
14	Korol Yuriy	MRM	34	1	17		90	KHOAN	Russian
15	Titenko Vitaly	MRM	44	1	10		115	KHOAN	Russian
16	Filatov Sergey	MRM	40-41	2	17		122	KHOAN	Russian
17	Rogozha Andrei	MRM	47-48	2	10		78	KHOAN	Russian
18	Bovtach Igor	MRM	49	1	8		92	KHOAN	Russian
19	Brednev Artem	MRM	27	1	6		81	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	19	23	193	1.727	0	10		
	TOTAL	19	23	193	1.727	0	10		
	WEIGHT KG			193	1.727	0			

GRAND TOTAL: 1.920 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20-Feb-18	TO: TD3 - PVD2	AIRCRAFT: 846	ETD: 1100
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Hoi - TUYEN - THU	ETA: 1240
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI XUAN NGOC	TD3	79	1	14		66	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN XUAN NINH	TD3	84	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
3	VU VAN MINH	TD3	83	1	10		74	XAYLAP	Vietnamese
4	LE KHAC PHUONG	TD3	80	1	12		65	XAYLAP	Vietnamese
5	HA ANH CONG	TD3	81-82	2	15		53	XAYLAP	Vietnamese
6	HO TRONG HUYEN	PVD2	54	1	10		73	KHOAN	Vietnamese
7	BUI HUU DONG	PVD2	56	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
8	VO XUAN CANH	PVD2	55	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
9	DANG THANH TU	PVD2	52	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
10	DAO QUANG QUYET	PVD2	53	1	7		52	KHOAN	Vietnamese
11	NGO DINH SON	PVD2	49	1	7		57	KHOAN	Vietnamese
12	VU HUNG MANH	PVD2	50	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN THANH LIEM	PVD2	58	1	8		72	KHOAN	Vietnamese
14	LE VAN THANH	PVD2	48	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
15	LE VAN NAM	PVD2	51	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
16	BUI VAN DOAN	PVD2	46	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN VAN DOANH	PVD2	57	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN TIEN BINH	PVD2	47	1	4		75	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	5	6	61	328	0	2		
2	PVD2	13	13	78	865	0	20		
TOTAL		18	19	139	1.193	0	22		
WEIGHT KG				139	1.193	0			

GRAND TOAL: 1.332 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/02/2018	TO: TD5	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:30
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - CHIẾN - PTUẤN	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI NGOC THAO	TD5	49-50	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
2	LUONG XUAN QUANG	TD5	53	1	16		56	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN VAN BO	TD5	55-56	2	20		69	XAYLAP	Vietnamese
4	HA MANH CUONG	TD5	51-52	2	19		64	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN XUAN THANG	TD5	58-59	2	15		52	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐANG DUY DUNG	TD5	54	1	8		68	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN QUOC HUY	TD5	57	1	10		63	XAYLAP	Vietnamese
8	TRAN TRUNG THANG	TD5	40	1	5		75	PSV	Vietnamese
9	NGUYEN VAN THAO	TD5	36	1	2		77	PSV	Vietnamese
10	TRAN MINH HUNG	TD5	41	1	5		79	PSV	Vietnamese
11	TRINH QUOC HUNG	TD5	44	1	4		72	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN HOANG LONG	TD5	45	1	5		74	PSV	Vietnamese
13	ĐANG XUAN DUONG	TD5	47	1	5		65	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN QUANG MINH	TD5	37	1	2		84	PSV	Vietnamese
15	ĐOAN TRUNG KIEN	TD5	43	1	5		56	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN VAN HANH	TD5	42	1	2		59	PSV	Vietnamese
17	PHAM QUANG HUY	TD5	48	1	2		63	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN TIEN NHUAN	TD5	38-39	2	16		53	PSV	Vietnamese
19	NGO VAN GIAO	TD5	46	1	4		85	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	19	24	162	1.279	0	19		
	TOTAL	19	24	162	1.279	0	19		
	WEIGHT KG			162	1.279	0			

GRAND TOAL: 1.441 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN